TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THẠNH PHÚ** Tỉnh Bến Tre	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: **202**/2018/QĐST - DS	*Thạnh Phú, ngày 17 tháng 10 năm 2018*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 09 tháng 10 năm 2018 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 222/2018/TLST - DS ngày 02 tháng 8 năm 2018.

XÉT THẤY

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ông Lê Văn T, sinh năm: 1977; địa chỉ: số nhà 269/1, ấp T, xã P, huyện P, tỉnh Bến Tre.

- *Bị đơn*: Ông Đỗ Văn B, sinh năm: 1952; địa chỉ: số nhà 47/5, ấp A, xã A, huyện P, tỉnh Bến Tre.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Ông Lê Văn T và ông Đỗ Văn B thống nhất:

Hủy văn bản có tên "Hợp đồng thế chấp bất động sản" đã lập ngày 03/7/2017 giữa ông T với ông B.

Ông Đỗ Văn B có nghĩa vụ trả cho ông Lê Văn T số tiền 219.232.000 đồng (Hai trăm mười chín triệu hai trăm ba mươi hai nghìn đồng), với thời gian và cách thức trả một lần vào ngày 09/11/2018 dương lịch. Ông Lê Văn T giao trả cho ông Đỗ Văn B giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BĐ 878235, số vào sổ cấp GCN CH00235 do Ủy ban nhân dân huyện Thạnh Phú cấp ngày 13/4/2011 đối với thửa đất số 235, tờ bản đồ 13, diện tích 4993,6m^2 tọa lạc tại ấp A, xã A, huyện P, tỉnh Bến Tre.

Việc giao nhận tiền và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nêu trên được thực hiện cùng thời gian.

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi

hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

- Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch:

Ông Đỗ Văn B nộp: 2.740.400 đồng (Hai triệu bảy trăm bốn mươi nghìn bốn trăm đồng) nhưng được miễn nộp do ông B là người cao tuổi thuộc trường hợp được quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

Ông Lê Văn T nộp: 2.740.400 đồng (Hai triệu bảy trăm bốn mươi nghìn bốn trăm đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đồng (Ba trăm nghìn đồng) và 863.500 đồng (Tám trăm sáu mươi ba nghìn năm trăm đồng) theo biên lai thu số: 0018521 và 0018520 cùng ngày 02 tháng 8 năm 2018. Ông Lê Văn T phải nộp thêm số tiền là 1.576.900 đồng (Một triệu năm trăm bảy mươi sáu nghìn chín trăm đồng).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bến Tre;
- VKSND H.Thạnh Phú;
- Chi cục THADS huyện Thạnh Phú;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

(đã ký)

Nguyễn Thị Thủy Tiên